

4 (K)

4

Đinh Tân-dậu đông

GIAO - TIỀN VĂN

SỬ-NAM BỐN CHỦ

Soạn-giả

TRẦN-QUANG-TẶNG

Tham-đình

TRẦN-TUẤN-KHẢI

Định thứ nhất

Giá 0\$15



HANOI
IMPRIMERIE THUC-NGHIEP AN-QUAN

1922

N. 2723⁽⁴⁾

Khái - Định Tân-dậu đông

GIAO - TIÊN VĂN



SỰ-NAM BÔN CHỦ

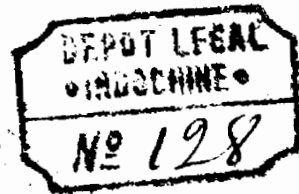
Soạn-giả

TRẦN-QUANG-TẶNG

Tham-dinh

TRẦN-TUẤN-KHAI

In lần thứ nhất



Giá 0\$15



HANOI
LIBRAIRIE THUC-NHIẾP AN-QUAN

1922

SỬ NAM BÔN CHỦ

Tiên tổ dẫu đã xa
Non sông vẫn nước nhà,
Bốn nghìn năm công-nghiệp.
Muôn dặm đất gấm hoa.

*
*
*

Mở xem lịch-sử đó,
Nhớ đến công tiên-tổ.
Hăm mấy triệu đồng-bào!
Anh em ơi! Phải cố....

Á-Nam TRẦN-TUÂN-KHAI

cân đẽ

1^o Nước ở phương nam,
Tên gọi Đại-nam,
Ta là người Nam,
Nên hiệu truyện Nam.

2^o Người xưa, việc cũ,
Chép lại sử xanh,
Như gương chụp ảnh,
Như ông lưu-thanh.

3^o Nay thuật qua - loa,
Dạy trẻ ngâm - nga,
Giục lòng ghi - nhớ,
Luyện óc giản - già.

4^o Nước có giếng - nổi,
Từ đâu mà noi?
Gốc nguồn tông - tích,
Trước phải xét - soi.

50 Vua Kinh-dương trước,
Chính là Tổ nước,
Lây tiên Động - đình,
Sinh ra vua Lạc.

60 Ông Lạc - long ta,
Lây bà Âu - ky.
Trăm trai một bọc,
Sinh nở cũng kỳ!

70 Cha rông mẹ tiên,
Con thánh cháu hiền,
Muôn chi nghìn phái,
Rông rôi lưu-truyền.

80 Nay đến chúng ta,
Là cháu chắt xa.
Ngót ba mươi triệu,
Máu mủ ruột già.

9° Cùng giống vàng da,
Yêu lây dân ta,
Cùng nổi Hồng Lạc,
Yêu lây nước nhà.

10° Đất nước non, sông,
Là của báu chung.
Đâu còn nên hiều,
Đâu mất phải thông.

11° Khi đức Kinh-dương,
Dựng nước Viêm-phương,
Từ miền Ngũ-linh, (1)
Đền bộ Việt-thường.

12° Xương hội trung-gian,
Mới hựt đi giần,
Chia hai phần nước,
Ước quá một phần :

(1) Ngũ-linh là năm núi: Đại-rửu, Thủy-an
Lâm-hạ, Quê-dương, Yết-môn.

13° Quảng-nguyên, Quảng-châu,
Hợp-phô, Cồ-lâu.
Sáu châu Hưng-hóa, (1)
Đều mật sang Tầu.

14° Còn như đất mới,
Cũng là rộng-rãi,
Một phủ Trần-ninh,
Triều Lê mở cõi.

15° Triều Nguyễn mở-mang,
... Thanh, Nghệ tân-cương,
Chín châu Cam lộ, (2)
Sáu tỉnh Sài-gòong, (3)

16° Hiện nay cương-vực.
Dài ngay một mực,
Hà-tiên, đầu nam,
Hòa-bình, đầu bắc.

(1) 1. Tang-lãng, 2. Lê-toàn, 3. Hợp-phô,
4. Hoàng-nham, 5. Tuy-phụ, 6. Khiêm-châu.

(2) Mang-vành, Lạng-thị, Na-bí, Thượng-kê, Tá-bang, Sương-thịnh, Ba-lan, Tam-poun, Mương-bồng.

(3) Gia-định, Vĩnh-long, Định-tường, An-giang,
Hà-tiên, biên-hòa.

- 17° Băm-một vạn ky, (1)
Thước vuông làm ghi,
Chia ra ba xứ,
Trung, Nam, Bắc-kỳ.
- 18° Giáp giới những đâu ?
Bắc giáp nước Tàu,
Tây giáp Mán, Lào,
Đông, nam vụng sâu.
- 19° Núi cao : Tân, Đảo ;
Sông lớn : Nhi, Long,
Tắc vàng tắc đất,
Công nghiệp cha ông.
- 20° Trời nam mở trước,
Là họ Hông - bâng,
Vua đâu ra trị,
Là đức Hùng-dương; (2)

(1) Ba mươi một vạn kilon-étres carrés.

(2) Cũng là vua Kinh-dương.

- 21° Mười tám vua Hùng,
Hai nghìn năm lẻ,
Sang Đường mang rùa,
Vào Chu đưa tri.
- 22° Thục-vương tài nó, (1)
Giặc sợ như thần,
Bình-giang chia cõi.
Mắc mẹo gia-thân.
- 23° Triệu-vương truyền ngôi,
Năm đời sau trước,
Cù-hậu nghiêng thành,
Lã - gia lâm nước.
- 24° Vận nước thương ôi!
Tán loạn một hồi,
Hàng trăm năm ngoại,
Đất mới sinh tài.

(1) Nghĩa này tôi đã bàn riêng.

25° Vua-bà Trưng Trắc,
Muôn thừa một người,
Báo thù độc-lập,
Hùng-khí rục trời.

26° Đạo đời còn bĩ,
Lại đến hồi này,
Bốn trăm năm lẻ,
Trời mới quang mây.

27° Tiên - Lý khôi-phục,
Đặt nước Vạn-xuân,
Hiệu xưng Nam - đê,
Dạng vẻ quốc-quân,

28° Triệu-Việt chông lương,
Móng rồng thị uy, (1)
Ô - diên chia cõi,
Hậu-Lý thừa - ky.

(1) Nghĩa này tôi đã bàn riêng.

- 29^o Phật-tử đánh Triệu,
Cam đã phụ nghị,
Cớ chi nhân-nhục,
Hàng-phục về Tùy ?
- 30^o Vì ai nên nổi !
Non nước ngậm - ngùi ?
Ba trăm năm nữa,
Chú - tể là ai ?
- 31^o Ông Mai, ông Phùng,
Ông Khúc, ông Dương,
Danh tuy xướng-khởi,
Thực chữa chủ-trương.
- 32^o Tiên-Ngô phá Hán,
Sang dòng Hồng-lạc,
Gửi con Dương-kha,
Nhắm người phò-thác.

33° Nam - tân, Thiên-sách,
Một nước hai vua,
Mười hai quan Sứ,
Ong kiên tranh-đua!

34° Đêm mở cờ lau,
Đình - hoàng giệp loạn,
Hùm, vạc dữ uy.
Rượu, Hoa (1) với nạn.

35° Hậu (2) trao long-cổn,
Lê-hoàng thay Đình,
Bình Xiêm giệp Tông,
Rực-rỡ uy-linh.

36° Ngoại-triều mưu anh,
Giông lòng tàn-ngược,
Đã mất lòng dân,
Khôn bên vận nước.

(1) Là sắc đẹp.

(2) Hậu là bà Dương-hậu vợ vua Đinh-tiên-Hoàng.

- 37° Lý-tổ có đức.
Lòng chúng suy-tôn,
Tục truyền thần đế?
Truyện chép rông lên?
- 38° Thánh-tôn dựng-đặt,
Binh-pháp đường-hoàng,
Tông - triều bắt chước,
Khen cũng vé - vang.
- 39° Nhân-tôn sùng-học,
Mới mở khoa trường,
Sai quan đánh Tông,
Thê nước hùng - cường.
- 40° Ông Huệ diên-cuông,
Truyền ngôi con gái,
— Bà Chiêu trẻ-thơ,
Nhường quyền họ ngoại.

41° Chiêu-hoàng. xuống chiều,
Trần-thái lên ngôi,
Mưu-mô Thủ-độ.
Khôn-khéo vẽ vờ.

42° Thánh-tôn nôi vị,
Chính lãnh, nước trị,
Mới mạnh Văn-hưu,
Làm pho Sử-ký.

43° Nhân-tôn bình Nguyên,
Công các tôi hiền,
Au vàng, ngựa đá, (1)
Khen ngợi thần-quyên.

44° Làm máy lung - linh, (2)
Vua Hiền sao tinh ?
— Vẽ đồ tứ-phụ, (3)
Vua Nghệ không minh !

(1) Ngự thi có câu rằng : xã-tắc lưỡng hồi lao thạch mã, sơn hà thiên cổ điện kim âu: nghĩa là xã-tắc đem về chôn ngựa đá, núi sông đời kiếp vững âu vàng.

(2) Máy xem các vì sao chuyên vận.

(3) Vẽ bốn ông Phụ-Chính đời xưa cho người Hồ-quý Ly.

- 45° Bô con Hồ-quý
Lưới trời không dung,
— Chú cháu Giản-định,
Bước đất long-đong.
- 46° Ngô thời phá tán,
Lê-tổ trừ tàn,
Non xanh nước biếc,
Nghì-vệ áo vàng.
- 47° Truyền đèn Thánh-tôn,
Nước đã văn-minh,
Nhâm vì Uy-mục, (1)
Mạc mới tung-hoành.
- 48° Nguyễn-công xướng nghĩa,
Rước Trang-tôn về,
Tiểu-trừ giặc Mạc,
Chân-chính giếng Lê.

(1) Vua Uy-Mục nhằm dùng người Mạc-dăng-Dung.

49° Trịnh-kiêm thay chức,
Trọn nghiệp trung-hưng,
Trịnh-tùng nổi tước,
Mở lời băng-lãng.

50° Vua Lê chúa Trịnh,
Trong triều hai chủ,
Chúa Nguyễn miên Nam,
Ngoài trời vũ-trụ.

51° Báu thiêng ngôi giữ,
Quyên-chính mặc ai,
Trăm quan thi-vị,
Phó-mặc truyện đời.

52° Nguyễn-Chính giá ranh,
Phù Lê duyệt Trịnh,
Tây-sơn lân vào,
Mãn-hoàng* xa lánh.

53° Quang-trung đuổi Thanh,
Nổi tiếng anh-hùng,
Một máu tàn - bạo,
Hai đời suy-vong,

54° Triều Nguyễn ta lên,
Đóng kinh ở Huế,
Núi Bình, sông Hương,
Hiểm thay hình - thể!

55° Đức Vua Gia-long,
Ba độ áo nhung,
Nước non một mối,
Khai - sáng bao công!

56° Vua Minh-mệnh nổi,
Nước mạnh dân bình.
Công - man nộp đất,
Cao-miên đặt thành.

- 57o Truyền vua Thiệu-trị,
Nội nghiệp giữ nên,
Ngoài man vào công,
Trong bể đều yên.
- 58o Đền vua Tự-đức, ●
Nước Pháp mới sang,
Bắc-thành xin giá.
Tây-công cắt nhường.
- 59o Năm đầu Kiên-phúc,
Bảo-hộ từ đây,
Thánh-thần truyền giàu,
Đền vua ta nay.
- 60o Mới mười một vua,
Một trăm năm ngoại,
Kính chúc ngôi trời,
Muôn năm hanh-thái...

61° Vua, Chúa đổi thay,
Đã kể trên này,
Nôi theo một đoạn,
Tôi hiền xưa nay.

62° Quan tướng Thường-kiệt,
Sang đánh Ung-châu (1)
Trái xem sau trước,
Công võ là đầu.

63° Hiền-thành nhận chiếu,
Phò dựng còn trời.
Khinh vàng trọng ngãi,
Phụ-chánh một người.

64° Phụ-trần trong giặc,
Một ngựa ra vào.
Ván thuyền cứu chúa,
Gan tướng mới hào.

(1) Ung châu là đất nước Tàu.

65° Tước-vương Hưng-đạo,
Văn võ gồm tài.
Bình Nguyên công lớn,
Tôn thất không hai.

66° Chu-an dâng sớ,
Trưng-ái một lòng.
Từ quan về núi,
Giá sạch tiêng trong.

67° Nguyễn-công tên Trãi,
Dâng sách bình Ngô.
Vi nhà vi nước,
Trung hiếu nghìn thu.

68° Mưu cao, công dật,
Như Đào-duy-Từ.
Ngọa-long tự ví,
Đích-đáng không hư.

69° Công võ rõ ràng,
Như Nguyễn-hữu-Tiên.
Oai hổ tiếng đồn,
Càng thêm vinh-hiến.

70° Ông Hầu chân lính,
Quan Tướng làng nho.
Ngũ-lão, Đình-Trọng,
Chí lớn công to.

71° Vũ-tụ, khước-lựa,
Đình-chi, từ tiên.
Trong triều ngoài dã,
Khen ngợi tiếng liêm.

72° Trời chuyển gió lay,
Mới biết cây ngay.
Mây người trung nghĩa,
Xem đến đoạn này.

730 Phu-duyet họ Trương,
Chẳng viêt chiêu nường.
Mây lời mắng giặc,
Gieo nặng đá vàng.

740 Lê-lai đời áo,
Thê mạng vua Lê.
Tâm lòng trung-ái,
Non nước còn ghi.

750 Tuân-mậu ném đá,
Quạ già nát gan. (1)
Tỏ ra nghĩa lớn,
Giãi chút niềm đan.

760 Thái-bạt giá quáng,
Nhỏ mặt Đấng-dung.
Gieo đầu thêm điện,
Thác cũng là trờng.

(1) Quạ già tức là Hồ-quý-Lý.

- 77° Vũ-thiệu đôt biểu,
Trời đất chứng-tri.
Không lòng thờ Trịnh,
Vẫn dạ tôn Lê.
- 78° Ông Nguyễn-huy-Trạc,
Chẳng ký hợp-đồng.
Một liều thuốc độc,
Giải tâm lòng trung.
- 79° Lê-quỳnh sang Tàu,
Chẳng chịu gọt đầu.
Uy-quyên không khuất,
Son sắt một mầu.
- 80° Tùng-chu, Tôn-tính,
Vẫn võ một lòng.
Liều cùng thành quách,
Toàn cả tiết trung.

81° Tam-trung (1) mộ cửa,
Kỷ-niệm không quên.
Tứ-trung (2) một miếu,
Sùng-bái là nên.

82° Cảnh-tuân bảy sách,
Rằng chí nam-nhân.
Phù-xa (3) đánh giặc,
Kìa biển nghĩa-dân.

83° Văn-hiên có nòi (4),
Chẳng hiềm người tài.
Kể riêng các bậc,
Tài lạ tuyệt đời.

84° Học tổ Sỹ-vương,
Khởi rờng Hán-tự.
Tiên-hiên Nguyễn-chuyên,
Xướng nên quốc-ngữ. (5)

(1) Ba người trung-thần: Nguyễn-tri-Phương,
Nguyễn-Duy, Nguyễn-Lâm.

(2) Bốn người trung: Trương-quốc-Dụng, Nguyễn-
tri-Phương, Đoàn-Thọ, Hoàng-Rượu thờ ở đền
Trung-liệt.

(3) Tên làng.

(4) Tàu khen ta là nước Văn-hiên.

(5) Quốc-ngữ tức là chữ nôm.

85° Mang đá nghìn cân,
Ném giao mười dặm.
Ông Phùng, ông Lê, (1)
Trượng tài lạ lắm.

86° Hiểu tiếng man-di.
Nhật-đuyệt ai bì.
Việc đời biết trước,
Trạng-trình khéo suy.

87° Nguyễn-mại công-bình,
Xử kiện rất minh.
Thê-vinh thông tuệ,
Sách tính lập thành.

88° Còn như tuổi trẻ,
Cùng là gái tài
Tiếng thơm sử sách,
Cũng chép một vài :

(1) Lê-phụng-Hiếu và Phùng-Hải.

89° Đông-vương ba tuổi,
Phá giặc An-thương.
Trời sinh thân tướng,
Hoặc khác người thường.

90° Nguyễn-hiến tuy trẻ,
Là thánh sinh-tri,
Mười ba đở trạng,
Thiên-hạ khen kỳ.

91° Hoài - văn lên bảy,
Đánh vỡ quân Nguyên,
Võn dòng hào-kiệt,
Học lũ Vương-tôn.

92° Trung-ngạn mười sáu,
Đỗ Thái-học-sinh,
Thân-đông giá trọng,
Lang-miêu tài lãnh.

93° Tướng gái Trưng-nhi,
Cùng chị báo thù,
Xông-pha hàng trận,
Khí-khải trượng-phu.

94° Triệu-áo người Thanh,
Vú dài ba thước.
Nổi trận chông Ngô,
Khen thay đờm-lược.

95° Nàng Ngô Chi-Lan,
Làm quan Học-sĩ,
Trong bọn quân - thoa,
Cũng cao giá-trị.

96° Bà Đoàn Thị-Điểm,
Chép truyện truyền-kỳ,
Tài hoa nổi tiếng,
Khuê-các ai bì?

97° Người trước đã qua,
Bóng-vang còn lại,
Phảng phất trước đèn,
Lòng ta nghĩ ngợi.

98° Hồng-bàng lại đây,
Bốn nghìn năm chầy,
Lẻ tám trăm rầy,
Trước vẫn là hay.

99° Mới về sau này,
Ngày kém một ngày,
Cho đến ngày nay,
Yêu mãi hóa gầy.

100° Bệnh đã nặng thay!
Tìm phương chữa ngay,
May lại gặp thầy,
Hạnh-phúc sau này.

- 101o Bảy giờ dương độ,
Năm châu tiên - bộ,
Dân ta còn cỏ,
Đừng giữ thói hú.
- 102o Nhà-nước dạy-giỗ,
Hết lòng cỏ-vũ
Khắp trong thành-phô,
Cùng nơi thôn-ô.
- 103o Sỹ, thương, nông-phô,
Kỹ - nghệ, bác-cổ,
Lập trường vô-sô,
Học-hành nên cô.
- 104o. Ta phải theo thời,
Kéo quê người cười.
Ta phải trông người,
Kéo dốt thiệt đời.

- 105° Bỏ hết tính lười,
Học rõ đến nơi.
Cố sức theo đời,
Học lấy thành tài.
- 106° Mục-dịch cho rộng,
Tu-trưởng cho đúng.
Chuyên theo thực-dụng,
Cách-trí làm trọng.
- 107° Phương-châm đã trúng,
Cứ con đường rộng,
Tiên lên hùng-dũng,
Trông chừng hy-vọng.
- 108° Con cháu rộng tiên,
Tu-cách chẳng hèn,
Đất rộng người liên,
Có thể đua chen.

109° Có thể đua chen,
Cố sức mà len,
Có thầy dẫn lên,
Cũng chóng như tên.

110° Việc học đã thông,
Đủ trong nước dùng,
Bón-phận là cùng,
Ngãi-vụ cũng xong.

111° Ai ai một lòng,
Hết ngãi-vụ chung,
Dán mắt mà trông,
Phút chốc lên không.

112° Đòi với cha ông,
Cùng là non sông,
Lòng khời thẹn lòng,
Danh-giá nhà Hồng.

1130 Ấy cái tiên-trình,
Mong bạn đầu xanh,
Trí-não tinh nhành.
Đang sức học-hành.

1140 Nước được văn-minh,
Ta có vinh-danh,
Nghĩ thu sử xanh,
Hỡi anh em mình!

